

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT MINH ANH PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT MINH ANH PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH TM DV KỸ THUẬT MINH ANH PHÁT

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3702918050

**3. Ngày thành lập:** 06/10/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 23A/A12, Khu Phố 3, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0362909803

Fax:

Email: [ctyminhanhphatkt@gmail.com](mailto:ctyminhanhphatkt@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4520(Chính) |
| 2.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2592        |
| 3.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3312        |
| 4.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3314        |
| 5.  | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                                                                                                                                                                                                     | 3315        |
| 6.  | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3319        |
| 7.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3320        |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4321        |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                         | 4322        |
| 10. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết :<br>- Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)<br>- Bán buôn xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                         | 4511        |
| 11. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4512        |
| 12. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết :<br>- Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>- Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)<br>- Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác | 4530        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Bán mô tô, xe máy<br>Chi tiết :<br>Bán buôn mô tô, xe máy<br>Bán lẻ mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                 | 4541 |
| 14. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                               | 4542 |
| 15. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>Chi tiết :<br>Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy         | 4543 |
| 16. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết :<br>Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                              | 4610 |
| 17. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết :<br>Bán buôn vải<br>Bán buôn hàng may mặc                                                                                                                                                                       | 4641 |
| 18. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết :<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) | 4659 |
| 19. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết :<br>Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép<br>Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại<br>Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                       | 4669 |
| 20. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                         | 4730 |
| 21. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết :<br>Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng<br>Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)<br>Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác<br>Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác         | 4933 |

|     |                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 22. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết :<br>Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan<br>Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác                                                  | 5210 |
| 23. | Bốc xếp hàng hóa<br>Chi tiết :<br>Bốc xếp hàng hóa đường bộ<br>Bốc xếp hàng hóa loại khác                                                                                                         | 5224 |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ<br>Chi tiết :<br>Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ<br>Hoạt động dịch vụ khác hỗ trợ liên quan đến vận tải đường bộ | 5225 |
| 25. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết :<br>Cho thuê ô tô<br>Cho thuê xe có động cơ khác                                                                                                              | 7710 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
 Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Số giấy chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: \_\_\_\_\_  
 Chỗ ở hiện tại: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: **BÙI THỊ HUỠNG** Giới tính: **Nam**  
 Chức danh: **Giám đốc**  
 Sinh ngày: **26/05/1982** Dân tộc: **Kinh** Quốc tịch: **Việt Nam**  
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: **Chứng minh nhân dân**  
 Số giấy chứng thực cá nhân: **281167848**  
 Ngày cấp: **27/07/2013** Nơi cấp: **Công An Bình Dương**  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **173/10 Khu Phố Tân Phú, Phường Tân Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**  
 Chỗ ở hiện tại: **6/28/44 Đường Nguyễn Thị Khấp, KP Chiêu Liêu, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương

Thời gian đăng từ ngày 06/10/2020 đến ngày 05/11/2020

